

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Anh H, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số D L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Huỳnh Tôn T, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024 của nguyên đơn Công ty cổ phần S (gọi tắt công ty) và lời khai tại Tòa án của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H trình bày:

Ngày 20/4/2023 ông Huỳnh Tôn T có ký với công ty hợp đồng cầm cố tài sản, theo thoả thuận trong hợp đồng ông T cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 83P3 – 760.04 loại xe Honda Vario 125cc Indo màu đỏ đen,

xe do ông T đứng tên chủ sở hữu giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 21709 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/11/2018, có đăng ký giao dịch đảm bảo trực tuyến trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ. Công ty cầm cố tài sản trên cho ông T với số tiền 18.700.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 20/4/2023 đến ngày 20/4/2024) với mức lãi suất 1,1%/tháng. Công ty đã giải ngân số tiền trên cho ông T.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên công ty có ký giấy cho ông T mượn xe sử dụng. Trong giấy có quy định rõ thời hạn mượn từ ngày 20/4/2023 đến ngày 20/5/2023, ông T cam kết trả xe đúng thời hạn và địa điểm thoả thuận.

Quá trình trả nợ ông T chỉ trả nợ được một kỳ với số tiền 2.100.000 đồng gồm tiền gốc 1.425.000 đồng, lãi, phí 299.000 đồng và phí thuê xe 374.000 đồng, số tiền còn lại ông T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, ông T không trả nợ và không trả xe cho công ty theo thoả thuận.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Tôn T trả khoản nợ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe ngày 20/4/2023 với số tiền 27.902.000 đồng tạm tính đến ngày 20/11/2023 gồm: Gốc 17.275.000 đồng, lãi 2.091.000 đồng, phí 7.122.000 đồng, phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đến khi thanh toán xong nợ và yêu cầu phát mãi tài sản của ông T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T trả nợ gốc 17.275.000 đồng, lãi trong hạn 2.148.000 đồng (lãi tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 24/4/2024, mức lãi suất 1,1%/tháng), tổng gốc và lãi 19.423.000 đồng. Nguyên đơn xin rút lại không yêu cầu các khoản phí, phí theo dõi và không yêu cầu phát mãi tài sản.

Tại phiên toà bị đơn ông Huỳnh Tôn T trình bày:

Ông thông nhất nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng, ông có thoả thuận và có ký hợp đồng cầm cố tài sản với nguyên đơn Công ty cổ phần S, tính đến hôm nay ông thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vốn gốc 17.275.000 đồng và tiền lãi 2.148.000 đồng, tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả vốn gốc 17.275.000 đồng và 50% tiền lãi, xin trả dần trong thời hạn 06 tháng đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông Huỳnh Tôn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền còn nợ 17.275.000 đồng và tiền lãi 2.148.000 đồng, sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn giấy tờ xe, án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản. Bị đơn ông Huỳnh Tôn T đăng ký thường trú tại ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu các khoản phí, phí theo dõi và không yêu cầu phát mãi tài sản. Xét thấy, việc rút lại một phần nội dung khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền bị đơn ông Huỳnh Tôn T còn nợ nguyên đơn Công ty cổ phần S vốn gốc 17.275.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tài sản ngày 20/4/2023, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S vốn gốc 17.275.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi số tiền 2.148.000 đồng (lãi tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 24/4/2024, mức lãi suất 1,1%/tháng) xét yêu cầu tính lãi nêu trên phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền 2.148.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc xin trả dần số tiền còn nợ trong thời hạn 06 tháng, xét thấy yêu cầu của đương sự thuộc giai đoạn thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Tôn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ 19.423.000 đồng. Sau khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho ông T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 217091 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/11/2018 và xoá đăng ký thế chấp tài sản.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 92, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 309, 310, 314, 316, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S. Buộc bị đơn ông Huỳnh Tôn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn công ty S tổng số tiền còn nợ 19.423.000 đồng đồng, trong đó vốn gốc 17.275.000 đồng và lãi 2.148.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi bị đơn ông Huỳnh Tôn T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc nguyên đơn Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả cho ông T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 217091 do Công an tỉnh S cấp ngày 05/11/2018 cho ông Huỳnh Tôn T đứng tên chủ xe và xoá đăng ký giao dịch bảo đảm đối với ông T trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, yêu cầu các khoản phí, phí theo dõi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Huỳnh Tôn T có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 971.150 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp 697.500 đồng theo biên lai thu số 0000489 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp